

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN PHIM TRUYỀN I
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
(đã được kiểm toán)

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày — tháng — năm 2021



RƯỜNG PHÒNG TỔNG HỢP
Hồ Thị Vân Anh



CÔNG TY CỔ PHẦN PHIM TRUYỀN I

Số 151 đường Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 21
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 21

CÔNG TY CỔ PHẦN PHIM TRUYỀN I

Số 151 đường Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phim truyền I (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Như Hưng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Nguyễn Thị Thục Hiền	Thành viên
Bà Lê Thị Kim Thu	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm

Ông Phan Đình Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Phương	Phó Giám đốc

Các thành viên phụ trách phòng Tài chính - Kế toán bao gồm:

Bà Lê Thị Kim Thu	Kế toán trưởng
-------------------	----------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Phía Bắc thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

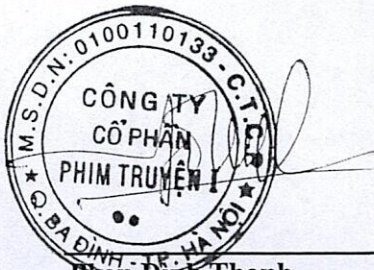
- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHIM TRUYỀN I

Số 151 đường Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba
Đình, thành phố Hà Nội

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phan Đình Thanh

Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2021



Số: 027/2021/BCKT-PB.00160

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN PHIM TRUYỆN I**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phim truyện I (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 25 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 22, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phim truyện I tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến Chấp nhận toàn phần tại Báo cáo kiểm toán ngày 18 tháng 05 năm 2020.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm ngày 31/12/2020, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 1.804.860.498 VNĐ. Điều này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Lê Viết Cường

Phó Giám đốc


Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2478-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021



Đặng Ngọc Khánh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2505-2019-009-1


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

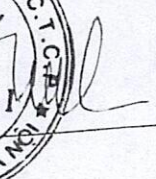
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		12.169.825.603	14.541.265.536
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	7.044.003.518	8.187.979.649
111	1. Tiền		1.044.003.518	187.979.649
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.000.000.000	8.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính		-	-
130	III. Các khoản phải thu		3.604.314.837	5.096.361.455
131	1. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	4	380.000.000	1.071.898.000
133	2. Phải thu nội bộ ngắn hạn		63.021.396	15.953.700
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	2.900.000.000	3.700.000.000
136	4. Phải thu khác	6	261.293.441	308.509.755
140	IV. Hàng tồn kho	7	1.492.885.572	1.256.924.432
141	1. Hàng tồn kho		1.492.885.572	1.256.924.432
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		28.621.676	-
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		12.798.976	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	15.822.700	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		263.921.418	491.299.463
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		146.896.554	374.274.599
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	146.896.554	374.274.599
222	- Nguyên giá		12.241.420.013	12.458.420.013
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.094.523.459)	(12.084.145.414)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3	100.000.000	100.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		100.000.000	100.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		17.024.864	17.024.864
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	17.024.864	17.024.864
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		12.433.747.021	15.032.564.999

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		191.713.096	2.790.531.074
310	I. Nợ ngắn hạn		191.713.096	2.790.531.074
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	-	14.600.000
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	-	44.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	60.544.317	527.068.505
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	-	2.011.152.880
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	94.738.819	157.279.729
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15.e	36.429.960	36.429.960
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.242.033.925	12.242.033.925
410	I. Vốn chủ sở hữu		12.242.033.925	12.242.033.925
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15.a	14.026.000.000	14.026.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		14.026.000.000	14.026.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển	15.e	20.894.423	20.894.423
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.a	(1.804.860.498)	(1.804.860.498)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(1.804.860.498)	(1.874.883.344)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		-	70.022.846
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		12.433.747.021	15.032.564.999


Lê Thị Hà
Người lập biểu

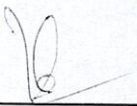

Lê Thị Kim Thu
Kế toán trưởng



Phan Đình Thanh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2021

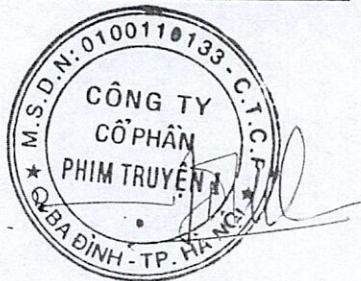


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	4.936.402.415	17.726.048.230
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.936.402.415	17.726.048.230
11	4. Giá vốn hàng bán	17	4.505.000.828	17.600.188.442
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		431.401.587	125.859.788
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	657.978.506	1.299.610.182
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	1.106.880.093	1.355.447.124
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(17.500.000)	70.022.846
31	11. Thu nhập khác	20	17.500.000	100.000.000
32	12. Chi phí khác	21	-	100.000.000
40	13. Lợi nhuận khác		17.500.000	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		-	70.022.846
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		-	70.022.846


Lê Thị Hà
Người lập biểu


Lê Thị Kim Thu
Kế toán trưởng

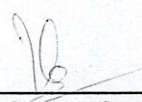

Phan Đình Thanh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2021

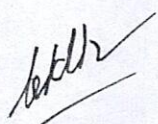
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

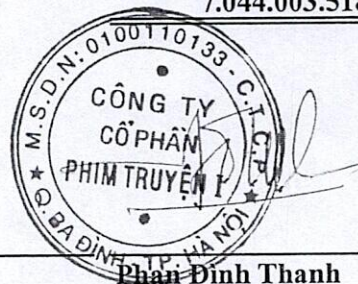
Năm 2020

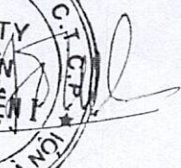
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		5.869.056.216	18.795.622.029
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(5.951.223.176)	(15.001.220.835)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(1.521.488.200)	(1.515.044.100)
06	4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		823.914.014	4.759.712.221
07	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.490.335.816)	(1.950.218.355)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.270.076.962)	5.088.850.960
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		17.500.000	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(38.400.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		800.000.000	34.000.000.000
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	50.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		308.600.831	679.719.702
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.126.100.831	(3.670.280.298)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.143.976.131)	1.418.570.662
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		8.187.979.649	6.769.408.987
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		7.044.003.518	8.187.979.649


Lê Thị Hà
Người lập biểu


Lê Thị Kim Thu
Kế toán trưởng




Phan Đình Thanh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phim truyền I được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100110133 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22 tháng 11 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 18 tháng 11 năm 2015.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Số 151 đường Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 14.026.000.000 VND. Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 14.026.000.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính.

- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Chi tiết: Sản xuất các phim điện ảnh, phim video, các chương trình truyền hình hoặc chương trình quảng cáo trên truyền hình; Sản xuất các chương trình truyền hình và chương trình quảng cáo không sử dụng phương tiện truyền thanh truyền hình;
- Hoạt động hậu kỳ. Chi tiết: Hoạt động như biên tập, truyền phim /băng, đầu đề, phụ đề, giới thiệu phim (giới thiệu danh sách các diễn viên, đạo diễn, người quay phim ...), thuyết minh, đồ họa máy tính, sản xuất các phim hoạt họa và các hiệu ứng đặc biệt về chuyển động, phát triển và xử lý phim điện ảnh, các hoạt động làm thử phim điện ảnh, hoạt động của các phòng thí nghiệm đặc biệt dành sản xuất phim hoạt họa;
- Hoạt động chiếu phim;
- Dịch vụ liên quan đến in.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 10 năm 2019 và áp dụng từ năm tài chính 2019.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

2.13 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.14 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

2.15 . Các khoản thuế

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan Thuế.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	312.126.379	7.610.170
Tiền gửi ngân hàng	731.877.139	180.369.479
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	7.044.003.518	8.187.979.649

4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	380.000.000	1.071.898.000
- Cục Điện ảnh - Người lính thầm lặng	-	437.335.000
- Công ty CP Xây lắp điện 1	-	254.563.000
- Cục Điện ảnh - Trung tâm sản xuất phim Biển đảo	380.000.000	380.000.000
Cộng	380.000.000	1.071.898.000

5 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.900.000.000	-	3.700.000.000	-
- Ông Bùi Đăng Định (1)	1.500.000.000	-	2.300.000.000	-
- Ông Lê Xuân Nam (2)	1.400.000.000	-	1.400.000.000	-
Cộng	2.900.000.000	-	3.700.000.000	-

(1) Hợp đồng cho vay số 09-12-16/HĐTD ngày 09/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 1.500.000.000 VND ;
- + Lãi suất: 8%/năm.

(2) Hợp đồng cho vay số 09-5/19/Ptr1 ngày 09/05/2019, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 1.400.000.000 VND ;
- + Thời hạn vay: 06 tháng ;
- + Lãi suất: 8%/năm.

Phụ lục Hợp đồng số 09-11/19/PL-HĐTD về việc gia hạn hợp đồng vay tiền từ 09/11/2019 đến 09/05/2020. Phụ lục Hợp đồng số 09-5/20/PL-HĐTD về việc gia hạn hợp đồng vay tiền từ 09/05/2020 đến 09/11/2020. Phụ lục Hợp đồng số 09-11/20/PL-HĐTD về việc gia hạn hợp đồng vay tiền từ 09/11/2020 đến 09/05/2021.

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	261.293.441	-	308.509.755	-
Tạm ứng	104.000.000	-	-	-
Phải thu khác	157.293.441	-	308.509.755	-
Cộng	261.293.441	-	308.509.755	-

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	531.705.511	-	175.744.370	-
Thành phẩm	961.180.061	-	1.081.180.062	-
Cộng	1.492.885.572	-	1.256.924.432	-

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày ở trang số 20.

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
b) Dài hạn	17.024.864	17.024.864
Công cụ dụng cụ xuất dùng	17.024.864	17.024.864
Cộng	17.024.864	17.024.864

10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	-	-	14.600.000	14.600.000
- Phải trả các đối tượng khác	-	-	14.600.000	14.600.000
Cộng	-	-	14.600.000	14.600.000

11 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	-	44.000.000	44.000.000
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Truyền thông BIHACO	-	-	44.000.000	44.000.000
Cộng	-	-	44.000.000	44.000.000

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở trang số 21.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	2.011.152.880
- Trích trước chi phí tiền lương	-	183.150.880
- Ghi nhận nợ kinh phí cấp cho đoàn	-	1.828.002.000
Cộng	-	2.011.152.880

14 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	94.738.819	157.279.729
- Các khoản phải trả khác	94.738.819	157.279.729
Cộng	94.738.819	157.279.729

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	14.026.000.000	(1.874.883.344)	12.151.116.656
Lãi trong năm trước	-	70.022.846	70.022.846
Số dư cuối năm trước	14.026.000.000	(1.804.860.498)	12.221.139.502
Số dư đầu năm nay	14.026.000.000	(1.804.860.498)	12.221.139.502
Số dư cuối năm nay	14.026.000.000	(1.804.860.498)	12.221.139.502

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2020	Tỷ lệ	01/01/2020
	(%)	VND	(%)	VND
- Vốn góp của Nhà nước	60%	8.409.100.000	60%	8.409.100.000
- Vốn góp của các Cổ đông khác	40,05%	5.616.900.000	40,05%	5.616.900.000
Cộng	100%	14.026.000.000	100%	14.026.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14.026.000.000	14.026.000.000
- Vốn góp đầu năm	14.026.000.000	14.026.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	14.026.000.000	14.026.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.402.600	1.402.600
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.402.600	1.402.600
- Cổ phiếu phổ thông	1.402.600	1.402.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.402.600	1.402.600
- Cổ phiếu phổ thông	1.402.600	1.402.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHIM TRUYỀN ISố 151 đường Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà,
quận Ba Đình, thành phố Hà Nội**Mẫu số B09-DN**Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	20.894.423	20.894.423
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	36.429.960	36.429.960
Cộng	57.324.383	57.324.383

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	878.713.637	352.612.245
Doanh thu bán các thành phẩm	4.057.688.778	17.373.435.985
Cộng	4.936.402.415	17.726.048.230

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	801.921.183	350.108.600
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.703.079.645	17.250.079.842
Cộng	4.505.000.828	17.600.188.442

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	657.978.506	1.299.610.182
Cộng	657.978.506	1.299.610.182

19 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân công	885.397.114	1.074.618.757
Chi phí hành chính	84.805.803	149.759.836
Chi phí đồ dùng văn phòng	29.601.129	20.959.900
Thuế, phí, lệ phí	4.829.092	6.998.665
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.542.955	43.840.158
Chi phí khác bằng tiền	58.704.000	59.269.808
Cộng	1.106.880.093	1.355.447.124

20 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	17.500.000	-
Thu nhập khác	-	100.000.000
Cộng	17.500.000	100.000.000

21 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí khác	-	100.000.000
Cộng	-	100.000.000

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	70.022.846
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Chi phí không hợp lệ	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(70.022.846)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(70.022.846)
Thu nhập tính thuế TNDN	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp kỳ này	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	-	-


Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định tạm tính trên giá trị kết quả kinh doanh trong kỳ. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả thanh tra, kiểm tra của Cơ quan Thuế có thẩm quyền.

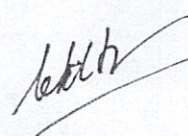
23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM


Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

24 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế kiểm toán.


Lê Thị Hà
Người lập biểu


Lê Thị Kim Thu
Kế toán trưởng


Phan Đình Thanh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN PHIM TRUYỀN I

Số 151 đường Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba
Đình, thành phố Hà Nội

MÁU SỔ B09-DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	348.181.818	11.168.975.995	728.485.000	212.777.200	-	12.458.420.013
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Sửa chữa lớn TSCĐ	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(217.000.000)	-	-	(217.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	348.181.818	11.168.975.995	511.485.000	212.777.200	-	12.241.420.013
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	348.181.818	10.978.327.729	544.858.667	212.777.200	-	12.084.145.414
- Khấu hao trong kỳ	-	148.681.045	78.697.000	-	-	227.378.045
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(217.000.000)	-	-	(217.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	348.181.818	11.127.008.774	406.555.667	212.777.200	-	12.094.523.459
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	-	190.648.266	183.626.333	-	-	374.274.599
Tại ngày cuối năm	-	41.967.221	104.929.333	-	-	146.896.554

CÔNG TY CỔ PHẦN PHIM TRUYỀN I

Số 151 đường Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba
Đình, thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B09-DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	225.033.585	293.340.028	534.196.313	15.822.700	-
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất, nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	302.034.920	64.626.000	306.116.603	-	60.544.317
Thuế Tài nguyên	-	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	-	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	527.068.505	360.966.028	843.312.916	15.822.700	60.544.317

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan Thuế.